TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T TỈNH H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T– TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Võ Thị Bời**

Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thư –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền –** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2019/TLST-DS ngày 19/6/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị Ngọc H,** sinh năm 1964; địa chỉ: 5A đường K Tổ 1, phường H, thành phố T. Bà H có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hoàng A,** sinh năm 1985; địa chỉ: 55/1đường K, phường H, thành phố T; Ông A vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là Phan Thị Ngọc H trình bày*:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 25/12/2018 tôi có cho ông Nguyễn Hoàng A vay 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Việc vay mượn tiền có lập hợp đồng vay vốn có chữ ký và điểm chỉ của ông A và thỏa thuận mỗi ngày trả 100.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc trong thời hạn 120 ngày. Giấy mượn tiền viết ngày 25/12/2018 với nội dung ông A nợ tôi 12.000.000 đồng là do tôi đã cộng cả tiền lãi vào. Tôi xác định ông A chỉ vay tôi số tiền gốc 10.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn lập ngày 25/12/2018. Ông A đã trả được tổng cộng số tiền 41 ngày x 100.000 đồng = 4.100.000 đồng so với số tiền gốc đã vay 10.000.000 đồng. Nếu theo hợp

đồng thì số tiền còn lại ông A phải trả là 79 ngày x 100.000 đồng = 7.900.000 đồng. Tuy nhiên, để đảm bảo đúng quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi của tôi nên đề nghị ông A trả cho tôi số tiền gốc 5.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật như sau:

- Lãi trong hạn: 120 ngày (kể từ ngày 26/12/2018 đến ngày 25/4/2019), với mức lãi suất 20%/năm trên số nợ gốc 5.900.000 đồng: 5.900.000 đồng x 120 ngày x 20%/365 = 387.945 đồng;

- Lãi chậm trả đối với phần nợ lãi trong hạn chưa trả: 387.945 đồng, kể từ ngày 26/4/2019 đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS: 10%/năm;

- Lãi quá hạn: Kể từ ngày 26/4/2019 đến thời điểm xét xử, với mức lãi suất bằng 150% lãi trong hạn (tức 30%/năm), trên số nợ gốc chưa trả 5.900.000 đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn ông Nguyễn Hoàng A để tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông A vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn Phan Thị Ngọc H thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Hoàng A không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Hoàng A phải trả số tiền nợ gốc 5.900.000 đồng. Ngoài ra, ông A còn phải trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

+ Án phí: Bị đơn phải chịu án phí DS-ST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A phải trả số tiền là 5.900.000 đồng theo "*Hợp đồng vay vốn ngày 25 tháng 12 năm 2018*", yêu cầu của bà H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố T.

Mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Hoàng A nhiều lần theo địa chỉ hiện nay ông A đang sinh sống, nhưng trong suốt quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Phan Thị

Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông A và căn cứ vào các tài liệu chứng có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 25/12/2018, ông Nguyễn Hoàng A có vay tiền của bà Phan Thị Ngọc H với số tiền là 10.000.000 (*Mười triệu đồng*), việc lập hợp đồng vay tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Phan Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hoàng A là có thật và hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Hoàng A trả số tiền là 5.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính theo quy định của pháp luật như sau:

- Lãi trong hạn: 120 (kể từ ngày 26/12/2018 đến ngày 25/4/2019), với mức lãi suất 20%/năm trên số nợ gốc 5.900.000 đồng: 5.900.000 đồng x 120 ngày x 20%/365 = 387.945 đồng;

- Lãi chậm trả đối với phần nợ lãi trong hạn chưa trả: 387.945 đồng, kể từ ngày 26/4/2019 đến thời điểm xét xử 29/11/2019 là: 387.945 đồng x 213 ngày x 10%/365= 22.638 đồng;

- Lãi quá hạn: Kể từ ngày 26/4/2019 đến thời điểm xét xử 29/11/2019, với mức lãi suất bằng 150% lãi trong hạn (tức 30%/năm), trên số nợ gốc chưa trả 5.900.000 đồng là: 5.900.000 đồng x 30%/365 x 213 ngày = 1.032 đồng.

Tổng cộng ông Nguyễn Hoàng A phải trả cho bà Hạnh là 6.311.615 đồng (trong đó: Số tiền gốc: 5.900.000 đồng; Lãi trong hạn: 387.945 đồng; Lãi chậm trả đối với phần nợ lãi trong hạn chưa trả: 22.638 đồng; Lãi quá hạn: 1.032 đồng);

Tuy nhiên, kể từ sau khi vay cho đến nay, theo phía nguyên đơn thì ông A không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi theo đúng hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Đến ngày 29/11/2019, ông A vẫn còn nợ tiền gốc là 5.900.000 đồng (đã quá hạn) và các lãi phát sinh đến ngày 29/11/2019. Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm. Mặc dù, đã được Tòa án nhân dân thành phố T thực hiện việc niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án tại địa chỉ nơi ông A có đăng ký hộ khẩu thường trú, nhưng ông A không phản đối những tình tiết sự kiện, tài liệu, văn bản mà phía nguyên đơn đưa ra. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử kết luận giữa bà Phan Thị Ngọc H với ông Nguyễn Hoàng A có giao kết các hợp đồng vay vốn nêu trên, khoản nợ vốn và lãi ông A còn nợ bà H đến thời điểm xét xử sơ thẩm tổng cộng 6.311.615 đồng (trong đó: Số tiền gốc: 5.900.000 đồng; Lãi trong hạn: 387.945 đồng; Lãi chậm trả đối với phần nợ lãi trong hạn chưa trả: 22.638 đồng; Lãi quá hạn: 1.032 đồng) là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc H được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Hoàng A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 6.311.615 đồng x 5% = 315.581 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H. Buộc ông Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ trả cho bà H 6.311.615 đồng (*sáu triệu ba trăm mười một nghìn sáu trăm mười lăm đồng*) (trong đó: Số tiền gốc: 5.900.000 đồng; Lãi trong hạn: 387.945 đồng; Lãi chậm trả đối với phần nợ lãi trong hạn chưa trả: 22.638 đồng; Lãi quá hạn: 1.032 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự;

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng A phải nộp 315.581 đồng (*ba trăm mười lăm nghìn năm trăm tám mươi mốt đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Phan Thị Ngọc H là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014654 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;*

- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung